

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2025/DS-PT

Ngày 01 - 7 - 2025

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm;

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Ngô Tấn Lợi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02, ngày 24 tháng 6, ngày 01 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 139/2025/TLPT-DS ngày 18/4/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 138/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 265/2025/QĐ-PT ngày 07/5/2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã D, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Khóm C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Thị Băng G – Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số B, N, khóm M, thị trấn M, huyện C, Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Số B, N, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị R, sinh năm 1975;

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ hiện nay: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà R, ông T: Anh Trần Đình H1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà B, đường N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà B, đường N, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Văn H2, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã D, tỉnh Hưng Yên.

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị R, ông Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện hợp pháp chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Nguyên do bà H và vợ chồng bà Phạm Thị R, ông Nguyễn Văn T là chỗ quen biết, do trước đây bà H thuê đất gần nhà bà R để xây dựng nhà máy xay lúa (máy chà lúa) nên quen biết và thân thiết. Thời gian, từ khoảng năm 2015 đến năm 2018, nhiều lần bà R đến nhà bà H hỏi vay tiền để vợ chồng bà R giải quyết những khó khăn và làm ăn sinh sống trong gia đình.

Do tin tưởng nên bà H đã nhiều lần cho bà R, ông T vay tiền với mức lãi suất thỏa thuận từ 2% đến 3%/tháng, mỗi lần vay số tiền từ khoảng 20 đến 50 triệu đồng. Khi đến hạn vợ chồng bà R đều trả vốn trả lãi đầy đủ, cho nên bà H rất tin tưởng.

Đến thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, bà R mở rộng chăn nuôi trang trại heo và đầu tư bơm cát để san lấp mặt bằng đất của gia đình bà R, bà R đã nhiều lần hỏi vay của bà H số tiền tính đến ngày 20/11/2019 vợ chồng bà R còn thiếu bà H số tiền là 877.000.000 đồng. Bên cạnh đó bà R còn thiếu tiền mua cám, gạo của bà H số tiền là 140.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng bà H nhờ bà R gửi tiết kiệm vào Tổ Phụ nữ ấp, nhưng bà R không gửi mà nhận vay luôn số tiền của bà H. Như vậy, tổng cộng bà R, ông T tự kết nợ với bà H đến ngày 20/11/2019 còn thiếu bà H tổng số tiền là 1.067.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 kara.

Sau khi, kết nợ với bà H, bà R hứa sẽ bán phần đất của gia đình bà R mới san lấp cát để trả nợ cho bà H. Nhưng, sau khi bán đất xong bà R chỉ trả cho bà H được số tiền 400.000.000 đồng, khi bà nhận tiền của bà R bà H có viết biên nhận cho bà R giữ.

Như vậy, số tiền bà R còn thiếu của bà H số tiền là 667.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 kara. Bà R hứa với bà H đến tháng 6/2020 sẽ hoàn trả. Do tin tưởng bà R nên bà H có thỏa thuận miệng nếu đến tháng 6/2020 bà R trả nợ, thì bà H lấy tiền lãi của bà R là số tiền lãi suất là 1,5% trên tổng số tiền còn thiếu của bà (đối với 05 chỉ vàng, bà H không tính lãi) bà R đã đồng ý. Nhưng đến tháng 6/2020, bà R, ông T không trả cho bà H số tiền trên, còn thiếu là 667.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận.

Nay, bà H kiện yêu cầu bà R, ông T phải trả số tiền còn thiếu theo kết nợ ngày 20/11/2019 số tiền là 667.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 20/11/2019 đến ngày 20/5/2022 là 30 tháng.

Tiền lãi tính như sau: Tiền gốc là 667.000.000 đồng x 1% x 30 tháng = 200.100.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là 867.100.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara, tạm tính trị giá số tiền là 25.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 892.100.000 đồng.

- Bị đơn bà Phạm Thị R, ông Nguyễn Văn T và người đại diện hợp pháp anh Trần Đình H1 trình bày:

Vào năm 2009 vợ chồng bà R có đứng ra vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 98.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 kara để cho chị chồng bà R là bà Nguyễn Thị Kim B có vốn buôn bán, khi vay bà R và bà H thỏa thuận lãi suất của số tiền 95.000.000 đồng là 3%/tháng và số tiền 3.000.000 đồng là 4%/tháng.

Đến năm 2009 bà B có đưa tiền bà R để đóng lãi cho bà H, nhưng bà không nhớ rõ số tiền đã đóng. Sau đó đến năm 2013, bà B bế nợ nên phía bà H buộc bà R phải ký nhận nợ thay cho bà B với số tiền cả gốc và lãi số tiền là 285.000.000 đồng; bà R đồng ý ký vào biên bản nợ trên do bà H cất giữ. Sau đó, thời gian khoảng 03 tháng sau bà R đến để đóng lãi với số tiền là 30.000.000 đồng, những tháng sau bà R không có khả năng đóng lãi nữa thì bà H đồng ý cho ký nhận nợ lại để nhập vào phần nợ gốc. Đến ngày 22/12/2016 chồng bà R là ông Nguyễn Văn T có đến chỗ bà H để chốt lại phần nợ cả gốc và lãi còn thiếu. Bà H làm biên nhận chốt lại số tiền là 485.000.000 đồng.

Khi đó bà H hứa là trong thời gian vợ chồng bà R xoay sở bán đất để có tiền trả cho bà thì bà H không tính lãi cho bà.

Đến năm 2019 thì bà R đã bán bán đất và thanh toán trước cho bà H số tiền là 80.000.000 đồng, sau đó đến năm 2020 bà R thanh toán tiếp số tiền là 105.000.000 đồng và 01 tháng sau đã thanh toán luôn phần nợ còn lại là số tiền là 300.000.000 đồng; đến tháng 11/2020 thì vợ chồng bà R đã trả luôn số 05 chỉ vàng 24 kara cho bà H. Tổng cộng vợ chồng bà R đã thanh toán cho bà H đủ số tiền 485.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 kara cho bà H, về phần lãi suất thì bà H nói phần lãi suất còn lại thì tính cho bà B chứ không liên quan gì đến bà R.

Vì vậy, việc bà H kiện bà R, ông T với số tiền là 867.100.000 đồng và 05 chỉ vàng kara, vợ chồng ông T, bà R không đồng ý vì đã trả xong.

Đối với tờ giấy kê học sinh trong đó phần tiêu đề ghi “xã P, ấp M ngày 20 tháng 11 năm 2019” thì bà R cho rằng đó là tờ giấy trước kia bà R và bà H ghi nháp cho bà B (là chị chồng bà R) biết để có gì sau này bà làm căn cứ nói với bà B ghi lãi cho bà B, tính toán sau. Nhưng không biết vì lý do gì mà bà H lụm được và ghi thêm vào nội dung tiêu đề trên, vì thực tế đó biên nhận vào năm 2016”.

Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ Điều 429, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 19 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa

án nhân dân Tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, về việc yêu cầu bà Phạm Thị R và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà H số tiền còn thiếu theo kết nợ ngày 20/11/2019 số tiền là 667.000.000 đồng và tiền lãi là 0,83%/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 20/11/2019 đến ngày 20/5/2022 là 30 tháng.

Tiền lãi tính như sau: Tiền gốc: 667.000.000 đồng x 0,83% x 30 tháng = 166.083.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 833.083.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara, tạm tính trị giá là 25.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 858.083.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí theo quy định.

- Bà Phạm Thị R và ông Nguyễn Văn T liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 37.742.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử vụ án, Bà R, ông T yêu cầu sửa bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà R, ông T, anh H1, chị L, Luật sư Băng G. Các đương sự khẳng định đã cung cấp thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án. Bà R, ông Thu G1 nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình.

- Anh H1 đại diện cho bà R, ông T trình bày: Việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H là chưa phù hợp vì biên nhận ngày 12/11/2019 không thể hiện bà R ghi thiếu tiền bà H. Mà do bà R viết biên nhận cho bà H để sau này đòi nợ bà B. Các bên nhận bà H mới cung cấp mà bà R thừa nhận cộng lại cũng là 765.000.000 đồng, có sự chênh lệch lớn với số tiền tổng 1.067.000.000 đồng. Có 9 biên nhận bà R không đồng ý do bà R viết. Nếu cần thiết thì có thể trưng cầu giám định với biên nhận viết ngày 22/11/2019 vì các biên nhận bà R thừa nhận nợ là có viết thể hiện hiện có tên bà H nhưng trong biên nhận ngày 22/11/2019 không có ghi bà R thiếu ai. Bà R có đóng lãi nhưng không chứng minh được, số vàng 5 chỉ 24 kara không xác định và đã được tính trong số tiền 485.000.000 đồng nên đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Luật sư G trình bày: Căn cứ biên nhận chốt nợ giữa hai bên là có căn cứ. Biên nhận ngày 20/11/2019 đã được giám định. Biên nhận 485.000.000 đồng đã được đối chiếu trong 15 biên nhận mới cung cấp là 632.000.000 đồng cộng với biên nhận ngày 22/12/2016 là 485.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.117.000.000 đồng, sau khi trừ nợ ngày 20/11/2019 thì ghi số tiền nợ 1.067.000.000 đồng

và 5 chỉ vàng 24 kara nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chị L trình bày bổ sung: Việc viết biên nhận ngày 12/11/2019 là do bà R viết nên bà R có viết tên bà H hay không là do bà R tự viết cung cấp biên nhận đưa cho bà H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng có mặt thực hiện đúng theo quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R, ông T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự thống nhất không có khiếu nại gì về thành phần những người tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[2] Về nội dung vụ án tranh chấp các đương sự: Nguyên do bà H và vợ chồng bà Phạm Thị R và ông Nguyễn Văn T là chỗ quen biết, do bà H trước đây thuê đất gần nhà bà R xây dựng nhà máy X (chà lúa). Thời gian từ khoảng năm 2015 đến năm 2018, nhiều lần bà R đến nhà bà H hỏi vay tiền để vợ, chồng bà giải quyết những khó khăn trong gia đình. Do tin tưởng nên bà H đã nhiều lần cho bà R, ông T vay tiền với mức lãi xuất từ 2% đến 3% mỗi lần vay từ khoảng 20 đến 50 triệu đồng. Khi đến hạn bà R đều trả vốn trả lãi đầy đủ, cho nên bà H rất tin tưởng. Đến thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, bà R mở rộng chăn nuôi trang trại heo và đầu tư bơm cát để san lấp mặt bằng đất của gia đình bà R, bà R đã nhiều lần hỏi vay của bà H số tiền tính đến ngày 20/11/2019 vợ chồng bà R còn thiếu là 877.000.000 đồng.

[3] Xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu nguyên đơn cung cấp bản chính (một) tờ giấy học sinh kẻ ngang nội dung thể hiện “xã P, ấp M ngày 20 tháng 11 năm 2019, Thu R1 thiếu tổng cộng 1.067.000.000 đồng dưới dòng số tiền trên phía bên phải có ký tên Ràng và Phạm Thị R và hàng ngang đối diện tên Phạm Thị R có dòng chữ “5 chỉ vàng 24k” dưới dòng chữ có nội dung người cho vay bà H.

[4] Bà R và anh H1 đều thừa nhận nội dung trên do bà R viết vào khoảng năm 2016. Tuy nhiên, khi đó do bà R có hỏi tiền của bà H cho bà B (là chị chồng của bà), tuy nhiên do bà B không có khả năng chi trả nên bà R trả thay, mục đích của bà R viết nội dung trên để có căn cứ sau này bà R yêu cầu bà B trả lại cho bà R số nợ mà bà R đã vay và đóng lãi giùm bà B số tiền trên, không biết vì sao bà R sơ ý để ở nhà và bà H đến chơi lượm được nên ghi thêm vào nội dung “xã P, ấp M ngày 20 tháng 11 năm 2019” sau thời điểm bà R và bà H thống nhất số nợ đã tất toán để kiện bà R là không có cơ sở, vì thực chất việc vay mượn giữa bà và bà R và ông H2, ông T các bên đã chốt sổ biên nhận lại vào ngày 22/12/2016, theo

đó vợ chồng bà chỉ thiếu bà R số tiền thực tế còn lại là 485.000.000 đồng. Đến ngày 24/4/2019 thì bà R chuyển cho chị Trịnh Thị H3 con gái bà H số tiền 80.000.000 đồng (có phiếu chuyển tiền) sau đó đến năm 2020 thì bà thanh toán cho bà H thêm số tiền 105.000.000 đồng, bà H không viết biên nhận mà chỉ gửi lại (01) một biên nhận có 2 mặt thể hiện ngày 14/4/2013 bà R vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng và mặt sau thể hiện ngày 18/10/2023 bà R vay của bà H 55.000.000 đồng, theo bà R đó là sự mặc nhận bà đã trả bà H số tiền 105.000.000 đồng nên bà H mới trả lại bà R cả 02 biên nhận trên. Đến ngày 28/6/2020 (al) thì bà thanh toán cho bà H số tiền 300.000.000 đồng và bà H có viết cho bà biên nhận trên, đến khoảng tháng 11 năm 2020 thì bà đã trả cho bà H 05 chỉ vàng 24 xong, nên vợ chồng bà R không còn thiếu gì với bà H nữa.

[5] Bà R có yêu cầu Tòa án trưng cầu Viện khoa học hình sự đối với tuổi mực của biên nhận “xã P, ấp M ngày 20 tháng 11 năm 2019” và nội dung “thu Ràng thiếu tổng cộng” vì không trùng màu mực mà do bà H viết vào nội dung trên và đồng thời đề nghị đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị H3 vào tham gia vụ án.

[6] Tại bản kết luận giám định số 1164/KL- KTHS ngày 11/4/2024 của P Bộ C kết luận, không đủ cơ sở kết luận chữ ký và chữ viết có cùng tuổi mực hay không. Như vậy, việc xem xét yêu cầu của bị đơn về tuổi mực của nội dung biên nhận không được xem xét.

[7] Anh H1 đại diện theo ủy quyền bị đơn đề nghị xem xét việc yêu cầu của bà H là không có căn cứ bởi lẽ theo biên nhận bà H cung cấp thì đây là số tiền rất lớn so với thu nhập của bà H và bà R, số tiền lớn nhưng không thể hiện người vay và người mượn, mà do bà H ghi thêm phần người cho vay đề nghị trưng cầu giám định phần mà nội dung “xã P, ấp M ngày 20 tháng 11 năm 2019” vì đó không phải là nét chữ của bà H mà của người khác viết giùm bà H đó thể hiện là sự gian dối của bà H.

[8] Xét thấy, việc bà R trình bày có vay tiền của bà H nhưng là vay giùm cho chị chồng của bà R (bà B) bắt đầu từ những năm 2009 rất nhiều lần, sau đó bà B mất khả năng chi trả nên bà R phải gánh nợ thay, cộng vốn lãi thì đến ngày 20/12/2016 hai bên chốt tổng số nợ là 485.000.000 đồng (bà R cung cấp biên nhận ngày 20/12/2016, nội dung của biên nhận thể hiện “...kể từ ngày 22-12-2016 chờ về sau cho tới ngày vợ chồng T Ràng trả mà đồng tiền không thay đổi...”

[9] Đối với lời khai bà H và người đại diện cho rằng, tính đến ngày 20/11/2019 thì các bên chốt sổ lại số tiền thực tế theo đó vợ chồng bà R còn lại bà H số tiền là 1.067.000.000 đồng, điều này được thể hiện rõ “biên nhận” do bà R viết và ký tên, khi đó vì xem lại nội dung không thể hiện được ngày tháng năm và người cho vay nên bà H mới điền thêm vào các thông tin trên, sau khi bà R viết biên nhận thì bà H cất giữ. Đến ngày 20/6/2020 thì bà R trả bà cho bà thêm số tiền 300.000.000 đồng và trả cho ông H2 chồng bà 100.000.000 đồng (số tiền 100.000.000 đồng thì bà H không làm biên nhận). Tuy nhiên, qua các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì đối với biên nhận ngày 20/11/2019 và các tài liệu bị đơn cung cấp thì thể hiện rõ từ trước đến nay quan hệ giữa vay mượn giữa bà H và bà R từ năm 2009 đến năm 2019 thì các bên mới chốt lại biên nhận trên.

Bà R có cung cấp được biên nhận ngày 28/6/2020 AL thể hiện bà H có nhận của bà số tiền 300.000.000 đồng của bà R, còn 100.000.000 đồng còn lại tuy không có căn cứ chứng minh, nhưng được bà H thừa nhận là bà R có trả là có lợi cho bà R nên có cơ sở.

[10] Theo nguyên đơn trình bày thì số tiền 1.067.000.000 đồng là tổng cộng các khoản vay. Đối với việc phía dưới phần chữ ký của biên nhận ngày 20/11/2019 mới có ghi thêm dòng chữ “5 chỉ vàng 24K” tuy không thể hiện chính xác được nội dung là bà R có vay 05 chỉ vàng của bà H. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà R thì vào tháng 11/2020 (tức là sau khi hai bên ngồi chốt lại công nợ vào ngày 20/11/2019) thì bà R có trả dứt điểm 05 chỉ vàng 24K cho bà H, như vậy, có thể thấy rằng bà R đã mặc nhận có thiếu của bà H 05 chỉ vàng (bà H đã quy đổi ra số tiền tương đương là 25.000.000 đồng).

[11] Việc bà R trình bày có vay tiền của bà H nhưng là vay giùm cho chị chồng của bà R (bà B) bắt đầu từ năm 2009 rất nhiều lần, sau đó bà B mất khả năng chi trả nên bà R phải gánh nợ thay, cộng vốn lãi thì đến ngày 20/12/2016 hai bên chốt tổng số nợ là 485.000.000 đồng (bà R cung cấp Biên nhận ngày 20/12/2016). Tuy nhiên, bà H đang khởi kiện yêu cầu bà R, ông T trả nợ theo Biên nhận ngày 20/11/2019 chứ không phải Biên nhận ngày 20/12/2016. Bà R trình bày đã trả xong nợ số tiền 485.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, cụ thể ngày 26/4/2019, bà R bán đất nên trả cho con gái của bà H (chị H3) số tiền 80.000.000 đồng; khoảng tháng 3/2020, trả tiếp 105.000.000 đồng; Tháng 6/2020, thanh toán số tiền còn lại là 300.000.000 đồng; Tháng 11/2020, trả xong luôn 05 chỉ vàng 24K còn nợ thì chỉ là lời trình bày từ một phía.

[12] Việc bà R cho rằng đã nộp tiền mặt vào tài khoản của con gái bà H (chị H3) 80.000.000 đồng vào ngày 26/4/2019 thì không có cơ sở nhận định là trả nợ cho bà H, do không có ghi rõ nội dung nộp tiền và ngày nộp tiền là trước thời gian của Biên nhận ngày 20/11/2019.

[13] Việc bà R cho rằng trả 105.000.000 đồng vào tháng 3/2020 nhưng bà R chỉ cung cấp được biên nhận vay ngày 16/4/2013 (số tiền 50.000.000 đồng) và biên nhận vay ngày 18/10/2013 (số tiền 55.000.000 đồng) đã bị gạch bỏ hàm ý cho rằng đã trả xong cho bà H nên bà H mới gạch bỏ và trả lại biên nhận. Tuy nhiên đây là 02 biên nhận của năm 2013 không phải Biên nhận ngày 20/11/2019 mà bà H đang yêu cầu. Nếu việc trả tiền là trả cho số tiền 485.000.000 đồng thì tại sao trả năm 2013 nhưng đến tháng 12/2016 tiếp tục chốt còn nợ 485.000.000 đồng.

[14] Bà R chỉ cung cấp được biên nhận trả tiền 300.000.000 đồng vào tháng 6/2020, còn các lần trả tiền kia đều là thời gian trước, không phù hợp thời gian theo Biên nhận ngày 20/11/2019. Mặt khác, quá trình trả nợ mà bà R trình bày là đều trước khi hai bên chốt công nợ theo biên nhận ngày 20/11/2019, bà H chỉ thừa nhận có nhận 400.000.000 đồng của bà R, còn những lần khác thì lời trình bày của bà R không có căn cứ chứng minh. Đối với việc yêu cầu của bà R yêu cầu chị H3 vào tham gia tố tụng xét thấy như nhận định trên việc yêu cầu của bà R là không có căn cứ, nếu sau này bà R có yêu cầu chị H3 trả lại số tiền trên thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác

[15] Do đó, việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nghĩ nên chấp nhận, tuy nhiên cần phải điều chỉnh lãi suất và thời gian cho phù hợp toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn. Ràng mua cám gạo nhiều lần chưa trả nên đến ngày 20/11/2019 mới chốt lại công nợ, vì vậy việc bà H yêu cầu lãi suất được tính theo kết nợ ngày 20/11/2019 số tiền là 667.000.000 đồng và tiền lãi là 0,83%/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 20/11/2019 đến ngày 20/5/2022 là 30 tháng là 166.083.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 833.083.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara, tạm tính trị giá là 25.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 858.083.000 đồng. Việc bà H yêu cầu đã có lợi cho ông T, bà R.

[16] Đồng thời căn cứ vào nội dung quyết định các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[17] Sau khi xét xử sơ thẩm thì bà R, ông T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà H cung cấp thêm chứng cứ mới là 15 biên nhận vay do bà R viết. Bà R, ông T không cung cấp chứng cứ gì khác chứng minh theo yêu cầu kháng cáo của mình.

[18] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ngoài nhận định Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự thống nhất số tiền đang tranh chấp. Tuy nhiên bà R kháng cáo cho rằng biên nhận không phải viết cho bà H mà tự viết để sau này tính toán nợ lại với bà B (chị bà R) nhưng không biết lý do tại sao bà H lại có biên nhận. Bà H tự viết thêm ngày tháng năm và họ tên vào biên nhận. Bà R chỉ thiếu số vàng 05 chỉ vàng 24kara đã được tính trong tổng số tiền thiếu là 485.000.000 đồng nhưng đã trả xong. Xét lời trình bày của bà R là không có căn cứ chấp nhận; vì căn cứ biên nhận ngày 20/11/2019 không có căn cứ xác định bà H tự có và đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định. Đồng thời bà H cũng đã cung cấp thêm 15 biên nhận do bà R viết chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phù hợp với biên nhận ngày 20/11/2019. Bà R cũng thừa nhận 06 biên nhận bà R viết thiếu bà H. Lời khai của bà R mâu thuẫn với lời khai của chính bà về số tiền, vàng nợ bà H. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R, ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng theo quy định pháp luật.

[19] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà R, ông T; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên để đảm bảo thuận lợi cho việc thi hành án cần ghi lại cách tuyên án và ghi lại nghĩa vụ chậm thi hành án theo đúng hướng dẫn của quy định pháp luật. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[20] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà R, ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị R, ông Nguyễn Văn T.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, về việc yêu cầu bà Phạm Thị R và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà H số tiền tổng cộng vốn và lãi là 858.083.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị R và ông Nguyễn Văn T liên đới liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 37.742.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị R, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011063 ngày 22/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thập Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà R, ông T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng TT, KT&THA;
- TAND khu vực 10 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 10 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm

